

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 14/3/2025
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia nợ chung khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Hoàn

2. Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Châm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng: Bà Lý Mai Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 39/2024/TB-TLVA ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia nợ chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nông Thị Ngọc Á – sinh năm: 1986.

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Hoàng Nông T – sinh năm: 1986

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N chi nhánh huyện T.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bế Đăng C – Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vương Thành T1 – Phó Giám đốc. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2024, bản tự khai nguyên đơn bà Nông Thị Ngọc Á trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng Nông T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ngày 25/3/2011 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng ngày 28/01/2015. Sau nhiều năm chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đỉnh điểm mâu thuẫn vào khoảng tháng 01/2024 do hai bên bất đồng quan điểm, cách sống, cách nuôi dạy con nên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Ngoài ra, ông T còn có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn giữa vợ chồng được hai bên gia đình hoà giải nhưng không giải quyết được. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung gồm Nông Hoàng Huyền C1 - sinh ngày: 16/6/2011 (Giới tính: Nữ); Nông Hoàng Tường C2 - sinh ngày: 07/10/2018 (Giới tính: Nữ); Nông Hoàng Phúc K - sinh ngày: 23/7/2022 (Giới tính: Nam). Hiện nay các con đang ở với bà. iêê
Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 03 con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 500.000,đ/tháng/01 con.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng có 01 (Một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA biển kiểm soát: 29A-91977, yêu cầu chia đôi tài sản này.

Về nợ chung: Bà và ông T có khoản nợ chung tại Ngân hàng N chi nhánh huyện T theo hợp đồng số 8310LAV202300549 ngày 07/9/2023 với số tiền vay 300.000.000,đ (Ba trăm triệu đồng). Đến tháng 09/2024, dư nợ là 260.708.000,đ (Hai trăm sáu mươi triệu bảy trăm linh tám nghìn đồng), bà yêu cầu chia đôi số tiền nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06/3/2025, bị đơn ông Hoàng Nông T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông còn tình cảm với bà Á nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Ông và bà Á có 03 con chung Nông Hoàng Huyền C1, Nông Hoàng Tường C2, Nông Hoàng Phúc K. Trong trường hợp ly hôn, ông

nhất trí cho bà Á là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 03 con chung, ông sẽ cấp dưỡng nuôi con chung là 500.000,^d/tháng/01 con.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung , không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 31/12/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N chi nhánh huyện T trình bày: Bà Nông Thị Ngọc Á và ông Hoàng Nông T, cùng trú tại tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng có vay vốn tại Ngân hàng A chi nhánh huyện T theo hợp đồng tín dụng số 8310LAV202300549 ngày 07/9/2023 số tiền 300.000.000,^d (Ba trăm triệu đồng). Đến ngày 30/12/2024 dư nợ là 249.992.000,^d (Hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng); lãi suất 9,2%/năm. A chi nhánh huyện T nhất trí yêu cầu chia đôi khoản nợ chung gồm nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết tại A chi nhánh huyện T.

Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 02/01/2025, cháu Nông Hoàng Huyền C1 có ý kiến:

Cháu là con đẻ của bố T và mẹ Á, hiện tại cháu đang học lớp 8 tại trường THCS thị trấn Đ và sống cùng mẹ Á tại tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, không chung sống với nhau cháu có nguyện vọng sống cùng mẹ Á.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Nông Thị Ngọc Á trình bày: Tháng 12/2021, ông T bị kết án phạt tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc dẫn đến hai vợ chồng cãi vã. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra xô xát, gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng không thành. Từ năm 2023, 2024 đến nay ông T thỉnh thoảng mới về nhà. Khi bà làm đơn xin ly hôn ông T có nói cho ông T thời gian để khắc phục tình cảm vợ chồng nhưng bà không đồng ý. Ông T có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác tuy nhiên bà không cung cấp được video, tin nhắn chứng minh do những tài liệu này được lưu trong điện thoại cũ đã bị hỏng của bà. Ông T không phụ giúp bà nuôi con, tiền học phí, sinh hoạt phí hàng ngày của các con bà đều là người đóng. Từ tháng 01/2024 đến nay bà và ông T không còn liên lạc với nhau, ông T chỉ về Đông Khê trình diện công an do đang là đối tượng bị theo dõi chấp hành án treo tại địa phương. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Bà giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng con chung 500.000,đ/tháng/01con. Thu nhập hàng tháng của bà là 25.700.000,đ (Hai mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng) trong đó thu nhập từ lương là 19.438.282,đ (Mười chín triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn hai trăm tám mươi hai đồng); số tiền thu nhập còn lại có được do bà kinh doanh giặt là.

Về tài sản chung: Tại bản tự khai bà trình bày tài sản chung vợ chồng có 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA biển kiểm soát: 29A-91977 và yêu cầu chia đôi tài sản này. Tuy nhiên, bà xác định lại vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông T vay Ngân hàng A chi nhánh huyện T theo hợp đồng tín dụng số 8310LAV202300549 ngày 07/9/2023 số tiền 300.000.000,đ (Ba trăm triệu đồng). Số tiền vay này được trả qua tài khoản lương của bà tại Ngân hàng A chi nhánh huyện T. Hàng tháng, bà là người trả tiền gốc và lãi của khoản vay. Theo số liệu cung cấp của Ngân hàng A chi nhánh huyện T đến ngày 14/3/2025, dư nợ của khoản vay trên tại ngân hàng là 239.276.000,đ (Hai trăm ba mươi chín triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), lãi tính đến ngày 14/3/2025 là 849.751,đ (Tám trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi một đồng). Đối với số tiền nợ gốc 239.276.000,đ (Hai trăm ba mươi chín triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) bà yêu cầu mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc và lãi của số tiền nợ gốc phải trả. Số tiền nợ lãi tính đến ngày 14/3/2025 là 849.751,đ (Tám trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi một đồng) bà tự nguyện thanh toán cho ngân hàng.

- Đại diện Ngân hàng A chi nhánh huyện T trình bày: Bà Á và ông T vay Ngân hàng A chi nhánh huyện T theo hợp đồng tín dụng số 8310LAV202300549 ngày 07/9/2023 số tiền 300.000.000,đ (Ba trăm triệu đồng). Số tiền vay này được trả qua tài khoản lương của bà Á tại Ngân hàng A chi nhánh huyện T. Đến ngày 14/3/2025, dư nợ của khoản vay trên tại ngân hàng là 239.276.000,đ (Hai trăm ba mươi chín triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), lãi tính đến ngày 14/3/2025 là 849.751,đ (Tám trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi một đồng). Đối với số tiền nợ gốc 239.276.000,đ (Hai trăm ba mươi chín triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) Ngân hàng yêu cầu bà Á và ông T mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc và lãi của số tiền nợ gốc phải trả. Số tiền nợ lãi tính đến ngày 14/3/2025 là 849.751,đ (Tám trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi một đồng) bà Á tự nguyện thanh toán cho ngân hàng N1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48, 195, 196, 197, 198, 203, 239 và 243 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện, tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký tòa án đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ: Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị Ngọc Á được ly hôn với ông Hoàng Nông T.

- Về con chung: Giao con chung Nông Hoàng Huyền C1 - sinh ngày: 16/6/2011 (Giới tính: Nữ); Nông Hoàng Tường C2 - sinh ngày: 07/10/2018 (Giới tính: Nữ); Nông Hoàng Phúc K - sinh ngày: 23/7/2022 (Giới tính: Nam) cho bà Nông Thị Ngọc Á được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 500.000,^d/tháng/01 con.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đối với số tiền nợ gốc 239.276.000,^d (Hai trăm ba mươi chín triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) bà Á và ông T mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc và lãi của số tiền nợ gốc phải trả cho Ngân hàng N chi nhánh T. Số tiền nợ lãi tính đến ngày 14/3/2025 là 849.751,^d (Tám trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi một đồng) bà Á tự nguyện thanh toán cho ngân hàng nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

- Về án phí: Bà Nông Thị Ngọc Á được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và án phí dân sự có giá ngạch đối với yêu cầu chia nợ chung do là người dân tộc thiểu số cư trú ở nơi có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Ông Hoàng Nông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền:

Bà Nông Thị Ngọc Á khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia nợ chung khi ly hôn” với ông Hoàng Nông T, địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn ông Hoàng Nông T yêu cầu xét xử vắng mặt tại Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nông Thị Ngọc Á kết hôn với ông Hoàng Nông T năm 2015, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Á, ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Bà Nông Thị Ngọc Á cho rằng sau khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Ông T có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác; không phụ giúp bà nuôi con (tiền học phí, sinh hoạt phí hàng ngày). Việc ông T bị kết án phạt tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc đã dẫn đến việc hai vợ chồng cãi vã từ tháng 12/2021. Từ năm 2023, 2024 đến nay ông T thỉnh thoảng mới về nhà. Từ tháng 01/2024 đến nay bà và ông T không còn liên lạc với nhau, ông T chỉ về Đông Khê trình diện công an do đang là đối tượng bị theo dõi chấp hành án treo tại địa phương. Do vậy, bà Á giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Ông Hoàng Nông T lại cho rằng ông vẫn còn tình cảm với bà Á nên không nhất trí ly hôn.

Qua lời trình bày của hai bên đương sự Hội đồng xét xử xét thấy: Vụ án này được thụ lý ngày 09/10/2024. Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải lần lượt vào các ngày

27/11/2024, ngày 20/12/2024. Toà án đã ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử để xét xử vụ án lần lượt vào các ngày 21/01/2025, ngày 20/02/2025, ngày 14/3/2025. Tất cả các văn bản tố tụng đều được Toà án tổng đạt trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính cho bị đơn ông Hoàng Nông T. Tuy nhiên, ông T đều không có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án. Chỉ đến ngày 06/3/2025, tại biên bản lấy lời khai ông T mới trình bày nội dung ông còn tình cảm với bà Á, không nhất trí ly hôn và đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Như vậy, có thể thấy ông T thiếu sự hợp tác để giải quyết vấn đề ly hôn với bà Á tại Toà án. Bà Á là người xin ly hôn và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn còn ông T xác định vẫn còn tình cảm với bà Á tuy nhiên ông không thể hiện thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà Á để vợ chồng quay lại đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình.

Như vậy, mặc dù chỉ qua lời trình bày của Á cũng có thể nhận thấy giữa bà Á và ông T đã tồn tại mâu thuẫn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Á và ông T chỉ tồn tại về mặt hình thức. Bà Á và ông T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được ghi nhận theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Á là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung:

Quá trình chung sống hai bên đương sự xác nhận có 03 con chung gồm Nông Hoàng Huyền C1 - sinh ngày: 16/6/2011 (Giới tính: Nữ); Nông Hoàng Tường C2 - sinh ngày: 07/10/2018 (Giới tính: Nữ); Nông Hoàng Phúc K - sinh ngày: 23/7/2022 (Giới tính: Nam). Khi ly hôn bà Á yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 03 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung 500.000,đ/tháng/01con. Ông T cũng nhất trí. Mặt khác, cháu Nông Hoàng Huyền C1 cũng có nguyện vọng được ở với bà Á trong trường hợp bố mẹ ly hôn. Như vậy, cần ghi nhận sự tự nguyện thống nhất của bà Á và ông T về việc bà Á là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 500.000,đ/tháng/01 con.

[5]. Về tài sản chung:

Tại bản tự khai, bà Á trình bày tài sản chung vợ chồng có 01 (Một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA biển kiểm soát: 29A-91977 và yêu cầu chia đôi tài sản này. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Á xác định lại vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông T cũng xác nhận vợ chồng không có tài

sản chung. Do vậy, đối với tài sản chung vợ chồng Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về nợ chung:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Á trình bày bà và ông T có vay vốn tại Ngân hàng A chi nhánh huyện T theo hợp đồng tín dụng số 8310LAV202300549 ngày 07/9/2023 với số tiền 300.000.000,^d (Ba trăm triệu đồng). Đến tháng 09/2024, số dư nợ là 260.708.000,^d (Hai trăm sáu mươi triệu bảy trăm linh tám nghìn đồng). Bà Á yêu cầu chia đôi số tiền nợ chung. Ông T lại cho rằng nợ chung hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện bà Á, ông T và Ngân hàng N chi nhánh huyện T đã ký kết hợp đồng tín dụng số 8310LAV202300549 ngày 07/9/2023 với số tiền vay 300.000.000,^d (Ba trăm triệu đồng); phương thức cho vay: cho vay từng lần; mục đích sử dụng vốn vay: bù đắp chi phí sửa chữa nhà ở và mua sắm nội thất vật dụng sinh hoạt gia đình; thời hạn cho vay: 84 tháng (có chữ ký xác nhận của bà Á và ông T). Trong hợp đồng tín dụng này ghi nhận nội dung Ngân hàng được tự động trích tiền trên tài khoản số 8310215000446 mang tên bà Nông Thị Ngọc Á mở tại Agribank huyện A để thu nợ gốc, lãi đến hạn thanh toán. Tại phiên tòa, bà Á và ngân hàng đều xác nhận từ khi vay đến nay bà Á đều thanh toán khoản nợ gốc và lãi cho ngân hàng từ tài khoản lương của bà Á.

Đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và là giao dịch do bà Á, ông T cùng xác lập. Do vậy, đây là nợ chung của hai vợ chồng nên hai vợ chồng phải cùng có trách nhiệm trả nợ. Đến ngày 14/3/2025, dư nợ của khoản vay trên tại ngân hàng là 239.276.000,^d (Hai trăm ba mươi chín triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), lãi tính đến ngày 14/3/2025 là 849.751,^d (Tám trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi một đồng). Đối với số tiền nợ gốc 239.276.000,^d (Hai trăm ba mươi chín triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) cần buộc bà Á và ông T mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc và lãi của số tiền nợ gốc phải trả cho ngân hàng. Đối với số tiền nợ lãi tính đến ngày 14/3/2025 là 849.751,^d (Tám trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi một đồng) bà Á tự nguyện thanh toán cho ngân hàng nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

[6]. Về án phí: Bà Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ về tài sản chung vợ chồng phải chịu. Tuy nhiên, bà Á là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều

kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ về tài sản chung vợ chồng theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 27, 37, 51, 56, 60, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm a, e khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị Ngọc Á.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị Ngọc Á được ly hôn với ông Hoàng Nông T.

[2]. Về con chung: Giao con chung Nông Hoàng Huyền C1 - sinh ngày: 16/6/2011 (Giới tính: Nữ); Nông Hoàng Tường C2 - sinh ngày: 07/10/2018 (Giới tính: Nữ); Nông Hoàng Phúc K - sinh ngày: 23/7/2022 (Giới tính: Nam) cho bà Nông Thị Ngọc Á trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Ông Hoàng Nông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 500.000,đ/tháng/01con.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người đang trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án

có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Hai bên đương sự xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Bà Nông Thị Ngọc Á và ông Hoàng Nông T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N chi nhánh huyện T mỗi người số tiền nợ gốc là 119.638.000,^d (Một trăm mười chín triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng) và số tiền lãi tương ứng với số tiền nợ gốc phải trả.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nông Thị Ngọc Á về việc thanh toán số tiền nợ lãi tính đến ngày 14/3/2025 là 849.751,^d (Tám trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi một đồng) cho Ngân hàng N chi nhánh huyện T.

[5]. Về án phí: Bà Nông Thị Ngọc Á được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Hoàng Nông T phải chịu 300.000,^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng và 5.981.900,^d (Năm triệu chín trăm tám mươi một nghìn chín trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ về tài sản chung vợ chồng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Thạch An;
- Chi Cục THADS huyện Thạch An;
- UBND xã Phù Ngọc, huyện Hà Quảng;
- Dương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quỳnh Mai